

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng: 02 (Đợt 2)

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 24 – 25/02/2021

Ngày cung cấp TT: 25/02/2021

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống đóng.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống đóng.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống đóng.
4	4	Cống sông Chanh	Cống đóng.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống đóng.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cỏ Đam	Cống đóng.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Cống đóng.
11	15	Đập Biên Hòa	Đập đóng.
12	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Không có vị trí nào.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Cống Vĩnh Trị, Cầu đường 10 với sông Sắt.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí trên, Cổng Như Trác, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Cổng Sông Chanh, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Đàm, Đầu kênh T3, Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21), Đập An Bài (sông Châu Giang), TB Triệu Xá (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đập Biên Hòa, Đập Vùa (CG12), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19, Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Cầu Chủ (sông Châu Giang).**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: **Không có vị trí nào**

Đề nghị tiếp tục điều hành đóng mở các công hợp lý, tận dụng mực nước triều cao lấy vào hệ thống, triều thấp tiêu ra nhằm trao đổi nước trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		0.9	15		
1	Cổng Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình	Trời hửng nắng, t° = 23°C, độ ẩm 85%, gió Nam 6 km/h, mật độ mây 77%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm	7.14	11.3	5.42	0.3	0.287	1.260	388	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		0.9	15		
		Lục.	không hoạt động. Nước màu xanh lục.								kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	Cổng Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời mưa phùn nhỏ, t° = 23°C, độ ẩm 86%, gió Nam 19 km/h, mật độ mây 91%. Cổng đóng, không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	7.13	13.3	5.9	0.2	0.241	0.311	365	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	Cổng Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 87%, gió Nam 6 km/h, mật độ mây 82%. Không có dòng chảy, cổng đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Ban đêm cổng mở để lấy nước vào. Nước xanh lục.	7.51	17.6	7.6	0.1	0.311	0.788	178	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	Cổng Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 72%, gió Nam 21 km/h, mật độ mây 63%. Cổng đóng, không có dòng chảy. Mực nước	6.31	19.9	4.7	0.5	0.575	1.395	737	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		0.9	15		
			nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.								kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	Cổng Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 59%, gió ĐN 21 km/h, mật độ mây 71%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	7.14	10.1	5.1	0.5	0.653	1.688	471	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	Cổng Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 58%, gió ĐN 20 km/h, mật độ mây 70%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục. Ngoài sông nhiều bèo.	6.99	18.8	4.5	0.5	0.303	1.125	570	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	Cổng Cỏ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 62%, gió ĐN 21 km/h, mật độ mây 67%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực	6.95	40.9	4.43	0.4	0.264	1.058	597	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		0.9	15		
			nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.								động, thực vật thủy sinh.
8	Cổng Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng, t° = 27°C, độ ẩm 67%, gió Nam 20 km/h, mật độ mây 80%. Không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động. Khu vực lấy mẫu đang làm lại cầu, cống. Nước màu xanh lục.	7.53	19.3	5.81	0.4	0.233	1.395	525	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 87%, gió Nam 19 km/h, mật độ mây 86%. Dòng chảy chậm, mực nước cao. Trên sông có nhiều bèo. Nước màu xanh lục.	6.79	18.1	5.3	0.5	0.614	1.260	609	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 60%, gió NĐN 23 km/h, mật độ mây 70%. Dòng chảy chậm. Mực nước cao. Trên sông có nhiều bèo. Nước màu xanh.	7.13	15.7	4.31	0.4	0.342	0.878	568	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		0.9	15		
											thủy sinh.
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nắng, t° = 27°C, độ ẩm 74%, gió Nam 21 km/h, mật độ mây 67%. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.01	22.8	5.2	0.5	0.218	1.710	694	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 82%, gió Nam 6 km/h, mật độ mây 82%. Không có dòng chảy, đập đóng. Thượng lưu đập có nhiều bèo. Nước màu nâu đục.	6.98	47.6	5.23	0.3	0.326	0.945	456	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 57%, gió ĐN 21 km/h, mật độ mây 67%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	7.05	26.5	5.13	0.4	0.474	0.720	510	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		0.9	15		
14	Đập La Chơ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời mưa phùn nhỏ, t° = 23°C, độ ẩm 86%, gió Nam 19 km/h, mật độ mây 91%. Nước đứng, không có dòng chảy. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	6.83	28	4.31	0.4	0.140	1.508	522	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	Đập Biên Hòa	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 60%, gió ĐN 23 km/h, mật độ mây 70%. Không có dòng chảy, đập đóng. Mực nước hạ lưu cao hơn thượng lưu. Nước màu xanh lục.	7.31	24.3	5.13	0.4	0.443	0.810	496	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
16	Đập Vũa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời mưa phùn nhỏ, t° = 24°C, độ ẩm 82%, gió Nam 19 km/h, mật độ mây 90%. Không có dòng chảy, đập đóng. Nước màu xanh, có hiện tượng tù đọng, phú dưỡng.	6.84	11.8	4.3	0.5	0.591	0.473	647	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
17	Cầu Chủ	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 82%, gió Nam	6.8	8	2.49	0.4	0.249	2.543	567	Không đủ điều

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		0.9	15		
	(sông Châu Giang)	huyện Bình Lục, Lý Nhân.	6 km/h, mật độ mây 82%. Không có dòng chảy, mực nước trung bình. Hai bên bờ sông có nhiều rác thải. Nước màu xanh, có hiện tượng tù đọng, phú dưỡng .								kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 62%, gió ĐN 21 km/h, mật độ mây 74%. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước cao, nước màu xanh cừu long.	7.41	17.9	4.3	0.5	0.466	1.148	672	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
19	Đầu kênh C19	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nắng, t° = 25°C, độ ẩm 74%, gió Nam 21 km/h, mật độ mây 65%. Dòng chảy chậm, mực nước trung bình. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải của Khu công nghiệp Nước màu xanh lục.	7.48	25.7	4.7	2.6	0.218	6.525	3200	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn	Trời nắng, t° = 25°C, độ ẩm 75%, gió Nam	6.9	24.5	4.38	0.5	0.567	1.283	685	Đủ điều kiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2015 A1	6 – 8.5		6		0.3	2		
			QCVN 08:2015 A2	6 – 8.5		5		0.3	5		
			QCVN 08:2015 B1	5.5 – 9		4		0.9	10		
			QCVN 08:2015 B2	5.5 – 9		2		0.9	15		
		được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	21 km/h, mật độ mây 72%. Dòng chảy chậm, mực nước trung bình. Khu vực lấy mẫu đã kè xong bên tả kênh. Nước màu xanh lục.								dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2021

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI